TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST Ngày 24/8/2021 V/v hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số /2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Nay là D) vào ngày 12/6/2018. Sau khi kết hôn anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Cụ thể là mọi việc trong gia đình đều do chị gánh vác, anh T1 không lo lắng, giúp đỡ và chu cấp tiền cho chị nuôi con. Ngoài ra anh T1 còn thường xuyên chửi bới, lăng mạ chị. Đến tháng 7 năm 2020 thì anh T1 bỏ nhà đi và về quê tại xã D sinh sống. Từ đó đến nay anh chị sống ly T1. Nay chị xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

- Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/5/2020. Từ khi ly T1 02 con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền là 1.000.000 đồng một con một tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa anh T1 trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Nay là D) vào ngày 12/6/2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cùng nhau tại tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp và do từ đầu năm 2020 ảnh hưởng của dịch bệnh Covid dẫn đến kinh tế khó khăn, anh không kiếm đủ kinh tế để lo cho gia đình nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Có một vài lần do tức giận anh có đánh chị T. Đến đầu tháng 7 năm 2020 do chán nản cảnh vợ chồng cãi nhau nên anh đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã D để sinh sống, còn chị T và 02 con vẫn ở Đồng Nai. Từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly T1. Nay chị T xin ly hôn anh quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/5/2020. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đăng K, giao con Nguyễn Ngọc Thảo N cho chị T nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại phiên Tòa, anh thay đổi nguyện vọng đồng ý giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng một con, một tháng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1; Về quan hệ con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi cả hai con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/5/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng một tháng một con kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đang cư trú tại xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Chị Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do dịch bệnh Covid. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Nay là D) vào ngày 12/6/2018. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, cả hai cùng xác định vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau nguyên nhân là do tính tình không hợp và do khó khăn về kinh tế. Tại phiên Tòa, anh T1 vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh không đưa ra được giải pháp và không thuyết phục được chị T chung sống cùng anh. Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh T1 cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn cãi chửi, đánh nhau do tính tình không hợp và vợ chồng anh đã sống ly T1 hơn 1 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T1 và chị T có hai con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/8/2018 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/5/2020. Xét thấy hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị T, chị T có nguyện vọng nuôi con chung, anh T1 đồng ý nên cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng một tháng, chị T đồng ý nên cần được chấp nhận sự tự nguyện của anh T1.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh T1, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Chị T, anh T1 có hai con chung là Nguyễn Đăng K, sinh

ngày 04/8/2018 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 05/5/2020. Sau khi ly hôn, giao cho chị Đặng Thị T nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Đăng K và Nguyễn Ngọc Thảo N. Anh Nguyễn Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một con, một tháng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi các con đủ 18 tuổi. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, các đương sự được quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003854 ngày 15/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí. Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã D.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**